



国分町 中高津一丁目~三丁目 中貫町 殿里町 真鍋一丁目~六丁目
 東中貫町 沖宿町 田村町 手野町 おおつ野一丁目~八丁目

8:30まで

9:00まで

●	Nasusunog na basura/hilaw na basura Rác cháy được - Rác tươi 可燃垃圾・厨余垃圾	Miyerkules/Sabado Thứ Tư/Thứ Bảy 星期三/星期六	★	mga PET bottle, lumang tela, lata, babasaging bote, baterya Chai nhựa, vải cũ, lon, chai, pin 塑料瓶, 旧衣物, 罐, 瓶, 干电池	Ika-2 at ika-4 na Huwebes ng buwan Thứ Năm tuần thứ 2 và thứ 4 trong tháng (một tuần tính từ ngày đầu tiên trong tháng) 第二第四个星期四	
	Lixo incinerável / Lixo orgânico ขยะเผาได้ ขยะสด 가연 쓰레기 음식물 쓰레기	Quarta-feira/Sábado วันพุธ/วันเสาร์ 수요일/토요일		Garrafas PET, roupas e tecidos velhos, latas de alumínio, garrafas de vidro, pilhas ขวดพลาสติก ผ้าเก่า กระป๋อง ขวดแก้ว แบตเตอรี่ 페트병, 헌 천, 캔, 병, 건전지		2ª e 4ª Quinta วันพฤหัสบดีที่ 2 ที่ 4 ของเดือน 제2, 제4목요일
	Lundi nasusunog na basura Rác không cháy được 不可燃垃圾	Lunes Thứ Hai 星期一		dyaryo, karton, papel Báo, bì cứng, giấy 报纸, 纸板, 杂志		★ Ang araw bago ang araw ng koleksyon ng Một ngày trước ngày thu gom ★ ★的收集日的前一天
▲	plastic packaging ng lalagyan Đồ đựng và bao bì nhựa 塑料容器和塑料包装 Plásticos (com a marca "プラ") ภาชนะพลาสติกและบรรจุภัณฑ์ 포장 용기 플라스틱	Huwebes Thứ Năm 星期四 Quinta-feira วันพฤหัสบดี 목요일	☆	Ang lugar ng koleksyon para sa mga recyclable ay maaaring matatagpuan sa iba't ibang lokasyon para sa mga basurang nasusunog at hindi nasusunog. Điểm thu gom rác tái chế có thể được đặt ở các vị trí khác với rác cháy được và rác không cháy được. 资源物收集站的地点, 与可燃垃圾・不可燃垃圾收集站的地点有可能不同。 O local de coleta de "recicláveis" pode ser diferente do local de coleta de "lixo incinerável" e "lixo não-incinerável". จุดรวบรวมขยะรีไซเคิล ขยะเผาได้ ขยะเผาไม่ได้ สถานที่อาจแตกต่างกันไป 재활용 쓰레기는 가연 쓰레기 및 불연 쓰레기와 버리는 장소가 다를 수 있습니다.	★ Dia anterior ao dia de coleta com ★ ★วันก่อนวันรวบรวมสิ่งของ ★표 수집일의 전날	

4 (2024年)

日	月	火	水	木	金	土
	1	2	3	4	5	6
	■		●	▲		●
7	8	9	10	11	12	13
	■		●★	▲★		●
14	15	16	17	18	19	20
	■		●	▲		●
21	22	23	24	25	26	27
	■		●★	▲★		●
28	29	30				
	■					

5

日	月	火	水	木	金	土
			1	2	3	4
			●	▲		●
5	6	7	8	9	10	11
	■		●★	▲★		●
12	13	14	15	16	17	18
	■		●	▲		●
19	20	21	22	23	24	25
	■		●★	▲★		●
26	27	28	29	30	31	
	■		●	▲		

6

日	月	火	水	木	金	土
						1
						●
2	3	4	5	6	7	8
	■		●	▲		●
9	10	11	12	13	14	15
	■		●★	▲★		●
16	17	18	19	20	21	22
	■		●	▲		●
23/30	24	25	26	27	28	29
	■		●★	▲★		●

7

日	月	火	水	木	金	土
	1	2	3	4	5	6
	■		●	▲		●
7	8	9	10	11	12	13
	■		●★	▲★		●
14	15	16	17	18	19	20
	■		●	▲		●
21	22	23	24	25	26	27
	■		●★	▲★		●
28	29	30	31			
	■		●			

8

日	月	火	水	木	金	土
				1	2	3
				▲		●
4	5	6	7	8	9	10
	■		●★	▲★		●
11	12	13	14	15	16	17
	■		●	▲		●
18	19	20	21	22	23	24
	■		●★	▲★		●
25	26	27	28	29	30	31
	■		●	▲		●

9

日	月	火	水	木	金	土
	1	2	3	4	5	6
	■		●	▲		●
7	8	9	10	11	12	13
	■		●★	▲★		●
14	15	16	17	18	19	20
	■		●	▲		●
21	22	23	24	25	26	27
	■		●★	▲★		●
28	29	30				
	■		●	▲		●

10

日	月	火	水	木	金	土
		1	2	3	4	5
			●	▲		●
6	7	8	9	10	11	12
	■		●★	▲★		●
13	14	15	16	17	18	19
	■		●	▲		●
20	21	22	23	24	25	26
	■		●★	▲★		●
27	28	29	30	31		
	■		●	▲		

11

日	月	火	水	木	金	土
					1	2
						●
3	4	5	6	7	8	9
	■		●	▲		●
10	11	12	13	14	15	16
	■		●★	▲★		●
17	18	19	20	21	22	23
	■		●	▲		●
24	25	26	27	28	29	30
	■		●★	▲★		●

12

日	月	火	水	木	金	土
	1	2	3	4	5	6
	■		●	▲		●
7	8	9	10	11	12	13
	■		●★	▲★		●
14	15	16	17	18	19	20
	■		●	▲		●
21	22	23	24	25	26	27
	■		●★	▲★		●
28	29	30	31			
	■		●	▲		●

1 (2025年)

日	月	火	水	木	金	土
			1	2	3	4
			▲	●		●
5	6	7	8	9	10	11
	■		●	▲		●
12	13	14	15	16	17	18
	■		●★	▲★		●
19	20	21	22	23	24	25
	■		●	▲		●
26	27	28	29	30	31	
	■		●★	▲★		●

2 (2025年)

日	月	火	水	木	金	土
						1
						●
2	3	4	5	6	7	8
	■		●	▲		●
9	10	11	12	13	14	15
	■		●★	▲★		●
16	17	18	19	20	21	22
	■		●	▲		●
23	24	25	26	27	28	
	■		●★	▲★		●

3 (2025年)

日	月	火	水	木	金	土
						1
						●
2	3	4	5	6	7	8
	■		●	▲		●
9	10	11	12	13	14	15
	■		●★	▲★		●
16	17	18	19	20	21	22
	■		●	▲		●
23	24	25	26	27	28	29
	■		●★	▲★		●
30	31					
	■		●	▲		●